

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5- 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Điều Toàn

2. Ông Nguyễn Chí Vương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/4/2020 giữa các đương sự:

NgU đơn: Chị Thị U, sinh năm 1993

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1987

Cùng trú tại: Tổ 5, ấp 5, xã Tân Quan, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu của ngU đơn chị Thị U:

Chị U và anh Nguyễn Hoàng E kết hôn năm 2012, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quan, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, ngU nhân do anh E không lo làm ăn, không lo cho gia đình dẫn đến mâu thuẫn. Nay vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên chị U yêu cầu ly hôn với anh E.

Quá trình chung sống vợ chồng không có 02 con chung là Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 06/11/2015 và Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 18/02/2018, hiện tại hai

con chung đang ở cùng với chị U. Khi ly hôn chị U yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Chị U không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng E đã được Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng anh E vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mà không lý do. Anh E cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có ý kiến đối với yêu cầu của ngU đơn.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị U xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn, anh E không chấp hành triệu tập của Tòa án, không có ý kiến về việc ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị U ly hôn với anh E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xE xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Thị U khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Hoàng E có nơi cư trú tại xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, nên đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Anh E được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, chị U vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh E đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 03/02/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị U xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, ngU nhân ngU nhân do anh E không lo làm ăn, không lo cho gia đình nên vợ

chồng đã không còn tình cảm. Qua xác minh tại nơi chị U và anh E chung sống cũng xác định trong thời gian chung sống chị U và anh E xảy ra nhiều mâu thuẫn. Từ đó, có cơ sở xác định vợ chồng thật sự có mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị U được ly hôn với anh E.

[3] Về con chung: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy, anh E thường xU không có mặt ở nhà, không lo cho gia đình nên con chung thường do chị U trực tiếp chăm sóc. Đồng thời hiện tại 02 con chung đang ở cùng chị U. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chưa thành niên, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Nguyễn Thị Trúc Q và Nguyễn Thị Nhã U cho chị Thị U trực tiếp nuôi dưỡng.

Do chị U chưa yêu cầu anh Nguyễn Hoàng E cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xE xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Tòa án không xE xét.

[5] Về án phí: NgU đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

TU xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị U được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng E.

[2] Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 06/11/2015 và Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 18/02/2018 cho chị Thị U trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị U không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Thị U chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp theo biên lai thu số 0001718 ngày 05/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Nơi Đăng ký kết hôn;
- CCTHADS huyện Hớn Quản;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Hồ Văn Thanh